

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 3 - 2024

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Liên và ông Nhữ Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 2 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trà M - Sinh năm 1989 (có mặt).

HKTT: Thôn Đan Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Thôn Cao Trai, xã Vân Du, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Vũ Hữu T - Sinh năm 1986 (có mặt).

HKTT: Thôn Đan Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Thôn Dương Xá, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trà M trình bày yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Vũ Hữu T được tự do tìm hiểu và tự

nguyên đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/01/2008. Sau khi cưới, chị và anh T về chung sống với nhau tại thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, anh T không tu chí làm ăn, vướng vào các tệ nạn cờ bạc, rượu chè thường xuyên chửi bới vợ con, có lần anh T còn đánh đập chị. Việc chị và anh T mâu thuẫn, gia đình bố mẹ chồng chị cũng biết nhưng không khuyên bảo gì chồng chị, bản thân chị cũng chưa lần nào nhờ chính quyền địa phương can thiệp để hòa giải cho hai vợ chồng. Khoảng tháng 06/2023, vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh T đe dọa chị nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Sau khi vợ chồng ly thân, anh T gần đây có lần đến tìm chị để đoàn tụ nhưng chị cương quyết không đồng ý. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Hữu T.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Vũ Hữu S, sinh ngày 13/12/2008 và Vũ Hữu P, sinh ngày 19/7/2011 hiện nay đang ở cùng với anh T. Khi vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi con. Tại phiên tòa chị đề nghị giải quyết chị nuôi con Vũ Hữu S, anh T nuôi con Vũ Hữu P và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Bản thân chị cũng tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Chị xác định có nơi ở ổn định cùng bố mẹ đẻ chị ở thôn C, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên và có nghề nghiệp tự do (làm công việc về tâm linh) thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/tháng. Chị cam đoan mình có đủ khả năng để nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Vũ Hữu T trình bày quan điểm như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về điều kiện, hoàn cảnh và thời gian hai vợ chồng kết hôn như chị M trình bày là đúng. Anh cũng xác định sau khi cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương hạnh phúc đến khoảng tháng 06/2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh uống rượu có lời lẽ xúc phạm đến vợ anh dẫn đến mâu thuẫn. Khoảng tháng 06/2023, vợ anh đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ thôn C, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Thời gian vừa qua anh có đến gặp chị M để hàn gắn tình cảm nhưng chị M vẫn cương quyết không đồng ý về tiếp tục chung sống với anh. Anh xác định không bỏ vợ con tuy nhiên đến nay chị M vẫn

cương quyết xin ly hôn anh, quan điểm của anh cũng đồng ý ly hôn theo như nguyện vọng của chị M.

- Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là Vũ Hữu S, sinh ngày 13/12/2008 và Vũ Hữu P, sinh ngày 19/7/2011 hiện nay đang ở cùng với anh. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được quyền nuôi con Vũ Hữu P, chị M nuôi con Vũ Hữu S và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Bản thân anh cũng tự nguyện không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con: Anh xác định có nơi ở ổn định tại xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương và làm công việc kinh doanh tự do, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 15.000.000đ/tháng. Anh cam đoan mình có đủ khả năng để nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trà M giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Hữu T và yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con chung. Bị đơn anh Vũ Hữu T trong phần tranh tụng tại phiên tòa đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trà M, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Hữu T.

+ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Trà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Hữu S, sinh ngày 13/12/2008 và giao cho anh Vũ Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Hữu P, sinh ngày 19/7/2011 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Hữu T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trà M là tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Trà M khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Vũ Hữu T, anh T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú ở xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương nên quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “*ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Hữu T đều xác định hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/01/2008, khi đăng ký kết hôn chị M và anh T đều đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân này là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị M và anh T đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, anh T không tu chí làm ăn, vướng vào các tệ nạn cờ bạc, rượu chè thường xuyên chửi bới vợ con, có lần anh còn đánh đập chị. Anh T cũng xác định anh có uống rượu và có lời lẽ xúc phạm đến vợ anh dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, ngoài ra không còn mâu thuẫn nào khác. Vợ chồng mâu thuẫn nên chị M về nhà bố mẹ đẻ thôn C, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên sinh sống từ tháng 06/2023 cho đến nay. Theo trưởng thôn Dương X và theo gia đình chị M cung cấp cũng xác định trong quá trình chung sống tại địa phương hai bên có xảy ra mâu thuẫn như chị M, anh T đã trình bày. Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T và trong phần tranh tụng anh T đồng ý ly hôn do đó xác định hai bên đã thật sự tự nguyện ly hôn do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M và công nhận chị M, anh T thuận tình ly hôn là phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị M và anh T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Hữu S, sinh ngày 13/12/2008 và Vũ Hữu P, sinh ngày 19/7/2011 hiện đều đang ở cùng anh T. Tại phiên tòa, chị M và anh T tự thỏa thuận giao cho chị Nguyễn Thị Trà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Hữu S từ tháng 03/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành và anh Vũ Hữu T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Hữu P cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành. Xem

xét chị M và anh T đều có đủ điều kiện để nuôi con, thỏa thuận về việc nuôi con nêu trên của chị M, anh T là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các con nên cần chấp nhận và công nhận thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị M và anh T đều tự nguyện không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con nên chị M, anh T không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị M và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trà M là nguyên đơn và tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trà M và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Hữu T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Trà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Hữu S, sinh ngày 13/12/2008 (hiện đang ở cùng anh T) từ tháng 03/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Giao cho anh Vũ Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Hữu P, sinh ngày 19/7/2011 (hiện đang ở cùng anh T) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị Trà M, anh Vũ Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Trà M và anh Vũ Hữu T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị M, anh T không yêu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trà M tự nguyện chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0002082 ngày 08/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Hải